

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TRÀ VINH
Số: 64/2022/QĐST-DS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

C, ngày 14 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;
Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 06 tháng 7 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 97/2021/TLST-DS ngày 18 tháng 02 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1975.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị X, sinh năm: 1977.

Cùng địa chỉ: ấp RRI, xã NL, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Vào ngày 18/02/2021, nguyên đơn bà Nguyễn Thị D có đơn tự nguyện rút phần yêu cầu khởi kiện đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Phước T, sinh năm: 1972, địa chỉ: ấp RRI, xã NL, huyện C, tỉnh Trà Vinh và chỉ tranh chấp hợp đồng góp hui đối với bị đơn bà Nguyễn Thị X. Bị đơn bà X thống nhất việc nguyên đơn bà D rút phần yêu cầu khởi kiện đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T. Do đó, Tòa án đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của bà D đối với ông T.

- ***Về số tiền phải trả:*** Bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị X thống nhất tự nguyện thỏa thuận: Bà X tự nguyện trả cho bà D số tiền hui còn nợ của 07 (Bảy) dây hui gồm: Dây hui tháng 200.000 đồng mở ngày 06/7/2015 âl (dây số 01); dây hui tháng 200.000 đồng mở ngày 06/10/2016 âl (dây số 05); dây hui tháng 500.000 đồng mở ngày 06/7/2015 âl (dây số 02); dây hui tháng 500.000 đồng mở ngày

15/12/2015 âl (dây số 03); dây hụi tháng 500.000 đồng mở ngày 15/3/2016 âl (dây số 04); dây hụi mùa 2.000.000 đồng mở ngày 20/01/2015 âl (dây số 01); dây hụi mùa 1.000.000 đồng mở ngày 20/9/2015 âl (dây số 02), **tổng cộng số tiền trả là 83.450.000đ (Tám mươi ba triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng)**. Bà D thống nhất nhận số tiền này do bà X trả.

- **Về thời gian trả:** Bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị X tự nguyện thỏa thuận thời gian trả do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C giải quyết theo Luật Thi hành án dân sự.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- **Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Bà Nguyễn Thị D tự nguyện nộp án phí dân sự sơ thẩm là 1.043.000đ (Một triệu không trăm bốn mươi ba nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà D đã nộp tổng cộng là 2.625.000đ (Hai triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tại các biên lai thu số AA/2020/0004019 ngày 01 tháng 12 năm 2020, số 0004160, số 0004161, số 0004162, số 0004163, số 0004164, số 0004165 cùng ngày 18 tháng 02 năm 2021, do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C thu. Hoàn trả lại cho bà D 1.582.000đ (Một triệu năm trăm tám mươi hai nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí.

Bà Nguyễn Thị X tự nguyện nộp án phí dân sự sơ thẩm là 1.043.000đ (Một triệu không trăm bốn mươi ba nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thanh Thảo